

Đăk Lăk, ngày 26 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước
năm 2017 cho các cơ quan, đơn vị thuộc ngân sách cấp tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định 2577/QĐ-BTC ngày 29/11/2016 của Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2017 cho tỉnh Đăk Lăk;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX - kỳ họp thứ 3 về dự toán và phân bổ dự toán ngân sách Nhà nước năm 2017 của tỉnh Đăk Lăk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2017 cho các cơ quan, đơn vị thuộc ngân sách cấp tỉnh theo các phụ lục đính kèm.

Trong dự toán chi ngân sách, đã bô trí kinh phí thực hiện cải cách tiền lương quy định tại Nghị định số 47/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ và các chế độ, chính sách theo quy định của Trung ương, HĐND và UBND tỉnh tính đến ngày 01/01/2017.

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách năm 2017 được giao; Thủ trưởng các đơn vị dự toán cấp I thuộc ngân sách cấp tỉnh tiến hành phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách cho từng đơn vị trực thuộc (sau khi có ý kiến thẩm định của Sở Tài chính) và thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ).

Điều 3. Giao cho Sở Tài chính căn cứ tình hình thu ngân sách từng tháng, quý để giải quyết kinh phí thực hiện các nhiệm vụ chi cho các cơ quan, đơn vị thuộc ngân sách cấp tỉnh theo tiến độ thu nhằm đảm bảo nguồn cân đối của ngân sách cấp tỉnh.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước Đăk Lăk và Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp tỉnh và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này;

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01/01/2017.

Noi nhận

- Như Điều 4;
- TT. Tỉnh uỷ, TT. HĐND tỉnh (thay báo cáo);
- CT, PCT. UBND tỉnh;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP. UBND tỉnh;
- Các Phòng thuộc VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.



Phạm Ngọc Nghị

DVT: Triệu đồng

(Kiem theo Quyết định số 3849 /QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh Dak Lăk)

K Lāk)

Phụ lục số 01

STT	Tên đơn vị	Tổng dự toán năm 2017 (A+B)	A. Chi từ nguồn NSNN cấp năm 2017			B. Chi từ nguồn thu được đê lại chi tại đơn vị		
			Dự toán chi từ nguồn NSNN cấp	Tiết kiệm 10% chi TX để tạo nguồn CCTL	Đơn vị	Dự toán thu tại đơn vị	Nguồn CCTL phân bổ vào dự toán chi	Chi hoạt động từ nguồn thu
b	Sự nghiệp đào tạo	767	767	57	710	-	-	-
c	Sự nghiệp văn hóa	2.035	2.035	131	1.904	-	-	-
28	Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh	1.486	1.486	107	1.379	-	-	-
	Quản lý hành chính	1.486	1.486	107	1.379	-	-	-
29	Hội Cựu chiến binh tỉnh	2.433	2.433	95	2.338	-	-	-
	Quản lý hành chính	2.433	2.433	95	2.338	-	-	-
30	Hội Nông dân tỉnh	5.585	5.585	156	5.429	-	-	-
	Quản lý hành chính	5.585	5.585	156	5.429	-	-	-
31	Liên minh HTX tỉnh	5.471	5.471	174	5.297	-	-	-
	Quản lý hành chính	5.471	5.471	174	5.297	-	-	-
32	Hội nạn nhân chất độc da cam tỉnh	776	776	57	719	-	-	-
	Quản lý hành chính	776	776	57	719	-	-	-
33	Hội Đồng y tinh	850	850	34	816	-	-	-
	Quản lý hành chính	850	850	34	816	-	-	-
34	Hội Chữ thập đỏ tỉnh	1.942	1.942	97	1.845	-	-	-
	Quản lý hành chính	1.942	1.942	97	1.845	-	-	-
35	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh	2.323	2.323	111	2.212	-	-	-
	Quản lý hành chính	2.323	2.323	111	2.212	-	-	-
36	Hội Nhà báo tỉnh	718	718	52	666	-	-	-
	Quản lý hành chính	718	718	52	666	-	-	-
37	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh	1.632	1.632	64	1.568	-	-	-
	Quản lý hành chính	1.632	1.632	64	1.568	-	-	-
38	Hội Văn học nghệ thuật tỉnh	1.713	1.713	104	1.609	-	-	-
	Quản lý hành chính	1.713	1.713	104	1.609	-	-	-
39	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	4.981	4.981	147	4.834	-	-	-
	Quản lý hành chính	4.981	4.981	147	4.834	-	-	-
40	Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh	5.506	5.506	214	5.292	-	-	-
a	Quản lý hành chính	3.015	3.015	103	2.912	-	-	-
b	Sự nghiệp kinh tế	2.491	2.491	111	2.380	-	-	-
41	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	4.273	4.273	167	4.106	-	-	-
	Quản lý hành chính	4.273	4.273	167	4.106	-	-	-
42	Kinh phí phục vụ Lễ hội cà phê BMT	8.000	8.000	-	8.000	-	-	-
	Sự nghiệp kinh tế	8.000	8.000	-	8.000	-	-	-
IV	Hỗ trợ các Hội đặc thù	4.692	4.692	-	4.692	-	-	-
1	Hội Liên lạc với người Việt Nam ở nước ngoài	412	412	-	412	-	-	-
2	Hội Hữu nghị Việt Nam - Campuchia	320	320	-	320	-	-	-
3	Hội Người Cao tuổi	450	450	-	450	-	-	-
4	Hội Người tàn tật và trẻ em mồ côi	361	361	-	361	-	-	-
5	Hội Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	500	500	-	500	-	-	-
6	Hội Luật gia	389	389	-	389	-	-	-
7	Hội Khuyến học	460	460	-	460	-	-	-
8	Hội Kế hoạch hóa và gia đình	250	250	-	250	-	-	-
9	Hội Cựu thanh niên xung phong	600	600	-	600	-	-	-
10	Hội Hữu nghị Việt Nam - Lào	300	300	-	300	-	-	-
11	Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ em mồ côi	350	350	-	350	-	-	-
12	Hội Bảo vệ thiên nhiên và môi trường	300	300	-	300	-	-	-
V	Hỗ trợ một số cơ quan, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ theo quy định	1.383	1.383	-	1.383	-	-	-
1	Ủy ban Đoàn kết Công giáo tỉnh	220	220	-	220	-	-	-
2	Đoàn Luật sư tỉnh	220	220	-	220	-	-	-
3	Trung tâm khí tượng thủy văn	80	80	-	80	-	-	-
4	Hội cựu giáo chức	50	50	-	50	-	-	-
5	Hiệp hội cà phê BMT	260	260	-	260	-	-	-
6	Ban chỉ đạo thi hành án	110	110	-	110	-	-	-

STT	Tên đơn vị	Tổng dự toán năm 2017 (A+B)	A. Chi từ nguồn NSNN cấp năm 2017		B. Chi từ nguồn thu được để lại chi tại đơn vị	
			Dự toán chi từ nguồn NSNN cấp	Trong đó	Dự toán thu tại đơn vị	Trong đó
			Tiết kiệm 10% chi TX để tạo nguồn CCTL	Dự toán còn lại được sử dụng	Nguồn CCTL phân bổ vào dự toán chi	Chi hoạt động từ nguồn thu
8	Hiệp hội doanh nghiệp tinh	163	163	-	163	
9	Hội Hữu nghị Việt Nam - Nhật bản	190	190	-	190	
10	Hội khoa học Kỹ thuật Lâm nghiệp	30	30	-	30	
11	Hội Kế toán	60	60	-	60	
VI	Chi SN môi trường hỗ trợ bảo vệ rừng	24.030	24.030		24.030	
1	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Krông Bông	1.090	1.090		1.090	
2	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp M'Đrăk	1.510	1.510		1.510	
3	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ea Kar	1.230	1.230		1.230	
4	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ea Wy	988	988		988	
5	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Chư Phá	3.304	3.304		3.304	
6	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Chư Ma Lanh	1.881	1.881		1.881	
7	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ea H'mơ	3.546	3.546		3.546	
8	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ea H'leo	1.630	1.630		1.630	
9	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Thuận Mẫn	643	643		643	
10	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Buôn Wing	1.011	1.011		1.011	
11	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Buôn Za Wầm	1.719	1.719		1.719	
12	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Rừng Xanh	2.611	2.611		2.611	
13	Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Ya Lopp	1.445	1.445		1.445	
14	Bộ chỉ huy bộ đội biên phòng	1.307	1.307	*	1.307	
15	Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	115	115		115	
VII	Chi từ nguồn xử phạt VPHC trong lĩnh vực ATGT	4.000	4.000		4.000	
1	Thanh tra giao thông (Sở GTVT)	1.000	1.000		1.000	
2	Chi hỗ trợ đảm bảo công tác ATGT	3.000	3.000		3.000	
VIII	Một số nhiệm vụ chi của ngân sách tỉnh	649.814	649.814	120	649.694	
1	Ban An toàn giao thông tỉnh	3.823	3.823	120	3.703	
2	Hỗ trợ phục vụ công tác xử phạt VPHC	1.500	1.500		1.500	
3	Kinh phí thực hiện đào tạo cán bộ công chức theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính	4.000	4.000		4.000	
4	Kinh phí hỗ trợ 2 quỹ khen thưởng phúc lợi cho Công ty TNHH MTV quản lý công trình thủy lợi Đák Lák	3.000	3.000		3.000	
5	Hỗ trợ kinh phí cho Ban CHPC thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh	2.700	2.700		2.700	
6	Bổ sung Quỹ XDGN (cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh)	10.000	10.000		10.000	
7	Bổ sung Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh	12.000	12.000		12.000	
8	Kinh phí mua thẻ BHYT cho các đối tượng theo quy định của Nhà nước (cấp cho BHXH tỉnh)	552.791	552.791		552.791	
9	Chi hỗ trợ tiền tết cho CBCC và đối tượng chính sách	25.000	25.000		25.000	
10	Chi hoàn trả các khoản thu năm trước	25.000	25.000		25.000	
11	Chi khác ngân sách	10.000	10.000		10.000	